

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 29/4/2026 của Ban chấp hành
Đảng bộ thành phố Cần Thơ về phát triển kinh tế biển
thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 29/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ về phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 29/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ về phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Chương trình), cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, các khâu đột phá và nhóm giải pháp chủ yếu theo chủ trương của Trung ương Đảng về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chương trình và kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TU bằng nhiều phương thức để các cấp chính quyền, người dân và doanh nghiệp hiểu được vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

2. Yêu cầu

Chương trình đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, đề án, dự án, công trình quan trọng phải bám sát theo Nghị quyết số 19-NQ/TU; đồng thời bám sát định hướng của Chính phủ và Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với điều kiện thực tiễn, tính khả thi và yêu cầu, định hướng phát triển kinh tế biển của thành phố trong giai đoạn mới.

Việc quán triệt, triển khai Nghị quyết là nhiệm vụ chính trị quan trọng, phải được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị, của từng cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất.

II- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

Đến năm 2030, xây dựng, phát triển Cần Thơ trở thành trung tâm kinh tế biển vùng đồng bằng sông Cửu Long, giữ vai trò động lực phát triển, lan tỏa, dẫn dắt cả vùng. Phát triển nhanh, đồng bộ, có trọng tâm các ngành kinh tế biển theo hướng bền vững; xây dựng các địa phương ven biển trở thành các khu vực phát triển năng động. Phấn đấu đến năm 2045, kinh tế biển của thành phố Cần Thơ phát triển bền vững, toàn diện, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế thành phố, góp phần đưa thành phố Cần Thơ trở thành đô thị sông - biển hiện đại, trung tâm năng lượng, logistics sông - biển, là động lực phát triển, lan tỏa cả vùng.

2. Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Xây dựng các dự án lấn biển, xây dựng Cảng biển Trần Đề, phát triển các ngành công nghiệp nặng luyện kim, đóng tàu; tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy và hệ thống logistics; hình thành Khu kinh tế Trần Đề, các cụm kinh tế biển đa ngành, gắn với xây dựng Trung tâm kinh tế biển tại các xã, phường ven biển.

(2) Quản lý, khai thác hiệu quả khoáng sản cát biển đáp ứng nhu cầu nguồn vật liệu xây dựng, san lấp phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng các tuyến đường cao tốc vùng đồng bằng sông Cửu Long.

(3) Bảo đảm cung cấp nguồn năng lượng ổn định, an toàn cho toàn bộ không gian phát triển của thành phố; tập trung phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió ngoài khơi, điện gió ven biển, điện mặt trời, sinh khối,...), phấn đấu đến năm 2030, thành phố triển khai 21 dự án điện gió, với tổng công suất 2.390,2MW theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

(4) Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế hiện đại, bền vững, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Diện tích tích nuôi thủy sản duy trì 96.500 ha/năm với tổng sản lượng giai đoạn 2026 - 2030 là 1.240.778 tấn; trong đó, sản lượng nuôi 855.378 tấn; sản lượng khai thác 385.400 tấn.

(5) Diện tích trồng rừng phòng hộ ven biển giai đoạn 2026 - 2030: Đạt 250 ha và nâng cao chất lượng rừng; tỷ lệ che phủ rừng đạt 2%.

(6) Phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển gắn với du lịch miệt vườn, du lịch lễ hội mang nét đặc trưng của cư dân vùng biển.

(7) Hàng năm, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân là 1%, trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số vùng ven biển bình quân 1 - 1,5%/năm.

(8) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, xã ven biển và xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 99%. Thực hiện hiệu quả phân loại rác tại nguồn, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và hạn chế chôn lấp.

(9) Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về biển.

Tập trung việc điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường vùng ven biển thành phố; phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ thành phố; đảm bảo thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ đã ban hành tại Quyết định số 1117/QĐ-TTg, ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 236/QĐ-TTg, ngày 25/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thống nhất nhận thức, tư tưởng hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển bền vững kinh tế biển, nâng cao nhận thức về biển

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền sâu rộng, đa dạng hình thức, bảo đảm thiết thực và hiệu quả; làm rõ các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế biển; quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế biển. Qua đó, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, các giá trị, tiềm năng và lợi thế của biển thành phố Cần Thơ; tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong hành động, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển.

2. Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế biển và ven biển

- Tập trung triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển; tham mưu đề xuất xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển phù hợp với điều chỉnh quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030. Thường xuyên rà soát các kế hoạch liên quan đến biển được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên vùng bờ; thực hiện tốt việc giao khu vực biển cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển để phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch không gian biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, quy hoạch ngành, lĩnh vực.

3. Về kinh tế thủy sản

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng chuỗi giá trị; khuyến khích nuôi biển theo lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương. Đẩy mạnh nuôi thâm canh, siêu thâm canh, ứng dụng công nghệ cao để tăng sản lượng trên đơn vị diện tích. Đồng thời, đáp ứng tiêu chuẩn, quy định về nuôi trồng thủy sản; cấp mã số vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc.

- Tăng cường tổ chức hoạt động khai thác hải sản theo hướng bền vững, phù hợp

với vùng biển Cần Thơ; cơ cấu lại hoạt động khai thác theo hướng giảm dần khai thác tự nhiên; cơ cấu lại tàu thuyền, ngành nghề khai thác và phát triển các mô hình tổ đội, hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với lợi ích thiết thực của ngư dân, bảo vệ môi trường sinh thái và ổn định đời sống khu vực ven biển.

- Tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng phục vụ nghề cá bảo đảm an toàn cho tàu thuyền, chủ động ứng phó thiên tai, rủi ro và nâng cao hiệu quả cứu hộ, cứu nạn. Phát triển công nghiệp hỗ trợ nghề cá, đặc biệt là cơ khí, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền tại các cửa biển; hệ thống trung tâm hậu cần nghề cá, các khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao và cơ sở chế biến sâu, gắn với hình thành chuỗi giá trị thủy sản đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thủy sản; kiên quyết ngăn chặn tàu cá khai thác bất hợp pháp và phòng ngừa tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam.

4. Phát triển du lịch và dịch vụ

- Đẩy mạnh quy hoạch các khu du lịch ven biển, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch tại các khu vực ven biển và các xã đảo có tiềm năng. Không ngừng đa dạng các sản phẩm, chuỗi sản phẩm và thương hiệu du lịch biển gắn với phát triển sản phẩm OCOP cũng như kết hợp với du lịch sông nước miệt vườn và du lịch tâm linh nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng trải nghiệm của du khách.

- Chủ động xúc tiến đầu tư, thu hút dự án phát triển các khu du lịch, trung tâm logistics hiện đại; phát triển chuỗi liên kết sản xuất, phân phối; tăng cường quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer của thành phố. Tổ chức các lễ hội ẩm thực biển tạo sức hấp dẫn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch vùng cửa sông, ven biển của thành phố.

5. Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới

- Tiếp tục phát triển năng lượng tái tạo như: điện gió, điện năng lượng mặt trời gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển rừng và phát triển du lịch khu vực cửa sông, ven biển. Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, xã hội hóa lĩnh vực năng lượng; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được chấp thuận, cấp phép; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phát huy vai trò giám sát, tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong phát triển ngành năng lượng.

- Tiếp tục triển khai việc khai thác khoáng sản cung cấp vật liệu cho các công trình, dự án trọng điểm theo cơ chế, chính sách đặc thù được quy định tại Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, ngày 29/11/2024; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15, ngày 24/6/2025 của Quốc hội. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách. Kịp thời xử lý

các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh trật tự trong khu vực có khoáng sản.

6. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị ven biển

- Tập trung xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ logistics; đặc biệt là hạ tầng kết nối với các tuyến cao tốc, và phát triển khu, cụm công nghiệp, logistics. Hình thành Khu kinh tế Trần Đề tại khu vực ven biển, lấn biển gắn với Cảng biển quốc tế Trần Đề trở thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Hình thành các cụm kinh tế biển đa ngành, gắn với xây dựng Trung tâm kinh tế biển tại các xã, phường ven biển.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế; tăng cường áp dụng các hình thức PPP, huy động vốn ODA trong đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc trong khu vực; hoàn thành các tuyến trọng yếu trên địa bàn; đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển bảo đảm chắn sóng, bảo vệ rừng, chống xói lở bờ cồn, bờ sông, bờ biển ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

7. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; tích hợp, lồng ghép giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong phát triển kinh tế biển

- Tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chiến lược và chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, bảo đảm khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, phù hợp quy hoạch thành phố. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Đẩy mạnh giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường nước, đa dạng sinh học tại vùng ven bờ; đồng thời, chủ động phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại, gắn với thực hiện hiệu quả các kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh và quản lý rác thải nhựa đại dương. Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển; tham mưu thực hiện nghiêm công tác giao khu vực biển, cấp phép nhận chìm ở biển và kiểm soát nguồn thải từ đất liền đổ ra biển.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; huy động các nguồn lực để thực hiện trồng mới, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và nâng cao chất lượng rừng, khuyến khích các mô hình sinh kế bền vững dưới tán rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

- Quan tâm đầu tư hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường và thực hiện công tác thu gom, xử lý; quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường biển.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển; khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các khu vực biển, quản lý vùng bờ; quy định về quản lý các xã đảo, các cồn, bãi ngầm lúc chìm,

lúc nổi, đất ngập nước ven biển,... theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển

- Quan tâm thực hiện số hóa và chuẩn hóa dữ liệu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển; đồng thời, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển. Tập trung xây dựng, cập nhật và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số tích hợp công nghệ viễn thám, GIS, đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên, môi trường biển và vùng bờ.

- Ứng dụng những kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về biển để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và chất lượng sản phẩm. Các lĩnh vực công nghệ cần đặc biệt quan tâm là công nghệ sạch, ít phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường; hình thành các chuỗi sản xuất theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn.

- Tăng cường phối hợp đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho một số ngành nghề kinh tế biển. Phát triển nhân lực số phục vụ kinh tế biển, trong đó phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ số, về AI, IoT, blockchain và dữ liệu lớn, tập trung vào ứng dụng trong du lịch, thủy sản và logistics.

9. Tăng cường mở rộng đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, bảo đảm quốc phòng an ninh

- Tăng cường xây dựng và mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước; chủ động hội nhập, tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế trong quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên môi trường biển. Tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác và tổ chức quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ quản lý biển.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cho nhân dân vùng ven biển trước các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm chủ động xử lý kịp thời mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ; phát huy sức mạnh tổng hợp để giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Chương trình, xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển kinh tế biển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chỉ đạo các sở, ngành, xã, phường ven biển xây dựng và bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, bám sát theo nội dung Chương trình để tổ chức triển khai.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Đảng ủy và đề xuất các giải pháp thực hiện. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, nhằm thực hiện có hiệu

quả chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển.

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố lồng ghép sơ, tổng kết Chương trình thực hiện với các Nghị quyết chuyên đề của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố.

2. Cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng nội dung Chương trình thực hiện Nghị quyết. Xây dựng hoặc tổ chức triển khai Chương trình thực hiện Nghị quyết; tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chương trình của cấp ủy đảng, chính quyền với Chương trình thực hiện Nghị quyết và các chủ trương của Trung ương Đảng về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy

Nghiên cứu triển khai cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy tham mưu công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Chương trình trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên, hội viên; phối hợp Văn phòng Đảng ủy định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Ban Tổ chức Đảng ủy tham mưu quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình trong sinh hoạt chi bộ.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tham mưu kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc trong tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình.

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai Chương trình trong đoàn viên, thanh niên; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ trong xây dựng và phát triển thành phố. Đồng thời, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nghị quyết trong tình hình mới.

- Văn phòng Đảng ủy theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, nắm tình hình, tham mưu Đảng ủy chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Chương trình trong báo cáo hằng năm, giữa nhiệm kỳ và tổng kết Chương trình vào cuối nhiệm kỳ.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ UBND thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh UBND thành phố;
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Huỳnh Ngọc Nhã